TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **329**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2021
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Châu Vũ D;

2. Ông Nguyễn Hoa Kiều;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Phong, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân – Kiểm sát viên;

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2021 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/9/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 124/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Đặng Ngọc A**, sinh năm 1985 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang;

2. Bị đơn: **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh B qua tìm hiểu và tự nguyện sống chung vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N số 64 ngày 20/6/2007. Thời gian đầu sống rất hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi vã, vợ chồng hiện đã ly thân với nhau từ tháng 10/2020. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Đặng Như C, sinh ngày 02/02/2007 và Nguyễn Đặng Thái D, sinh ngày 23/6/2011 hiện đang sống với chị và anh B. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Đặng Như C, đồng ý để cháu Nguyễn Đặng Thái D cho anh B nuôi không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Nguyễn Thanh B trình bày: Anh thống nhất với chị A về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn theo anh là không lớn, vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ là do anh làm ăn bị thất bại, gây nợ nần vài chục triệu đồng, do dịch bệnh anh chưa có kinh tế để trả nợ, từ đó làm cho chị A bất mãn bỏ đi lên Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn từ tháng 5/2021 đến nay, do dịch bệnh nên chị A không về được và anh cũng không đi đến thành phố Hồ Chí Minh để động viên chị A rút đơn về vợ chồng hàn gắn cùng nhau nuôi dạy con cái. Hiện tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh còn thương chị A, anh sẽ khắc phục khuyết điểm, anh đề nghị Tòa án cho anh cơ hội, cho anh thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng vì vợ chồng không có gì mâu thuẫn.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Đặng Như C, sinh ngày 02/02/2007 và Nguyễn Đặng Thái D, sinh ngày 23/6/2011 hiện đang sống với anh, nếu tòa án cho chị A ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ có vi phạm và vi phạm về thời gian;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận lý do chị A xin ly hôn không lớn, mâu thuẫn nhỏ do vợ chồng làm ăn thua lỗ, anh B còn thương vợ, hứa sẽ tìm giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị A, không xem xét đến vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của anh B tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Ngọc A và anh Nguyễn Thanh B qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn

được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số số 64 ngày 20/6/2007 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Đặng Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị A theo qui định.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Ngọc A đối với Nguyễn Thanh B; Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa anh B và chị A là những mâu thuẫn nhỏ nhặt, thông thường của vợ chồng, do vợ chồng chưa có thời gian để khắc phục, anh B còn thương chị A và hứa sẽ tìm giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn giữa anh chị có thể khắc phục được, Tại tòa anh B hứa sẽ quyết tâm sửa đổi khuyết điểm và tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị A nên Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân hiện tại của anh chị vẫn có thể đạt được, nên cần cho anh chị có thêm thời gian để anh chị sửa đổi khuyết điểm, vợ chồng có thể hòa hợp nên không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế của anh chị. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A nên Hội đồng xét xử không xem xét đến yêu cầu về con chung, tài sản chung cũng như nợ chung của anh chị.

Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về Tòa án có vi phạm về thời hạn gửi văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát là do tình hình dịch bệnh, vụ án đến hạn xét xử khi còn thực hiện giãn cách xã hội nên việc hoàn thiện thủ tục của Tòa án còn chậm. Xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Ngọc A đối với anh Nguyễn Thanh B.

2. Về án phí: Chị Đặng Ngọc A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004738 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

NGUYỄN THỊ MỸ LIL

***** Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ